

Số: 2416/KLTT-ĐCKS

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2013

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc chấp hành pháp luật về khoáng sản trong hoạt động khai thác than tại Công ty cổ phần than Hà Tu - Vinacomin

Căn cứ quy định tại các điều 55 và 56 Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra việc chấp hành pháp luật khoáng sản đối với Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 160/QĐ-ĐCKS ngày 02 tháng 5 năm 2013 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;

Tổng cục Địa chất và Khoáng sản kết luận như sau:

I. Chấp hành quy định pháp luật về khoáng sản

1. Kết quả thực hiện

Công ty cổ phần than Hà Tu-TKV được chuyển từ Công ty than Hà Tu theo Quyết định số 2062/QĐ-BCN ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và sau đó được đổi tên thành Công ty cổ phần than Hà Tu-Vinacomin theo Quyết định số 1952/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần than Hà Tu-TKV. Công ty có Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5700101323 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 09 tháng 6 năm 2012, trong đó có ngành nghề kinh doanh: khai thác và thu gom than; có Giấy chứng nhận đầu tư số 22 121 000 265 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 23 tháng 12 năm 2011.

Công ty được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 2822/GP-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2008 để khai thác bằng phương pháp lộ thiên đến cốt cao -220m tại các vỉa than 7, 8, 10B, 16, vỉa Trụ cánh Tây, vỉa Trụ cánh Đông mỏ Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; diện tích khai thác 3,77 km²; trữ lượng khai thác 10.959.860 tấn than.

Công suất khai thác (đơn vị: tấn/năm).

Năm	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Công suất	2.710.000	2.595.000	2.030.000	1.600.000	1.600.000	424.860

Thời hạn khai thác đến hết năm 2014.

Công ty có Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới mỏ tại thực địa của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh và các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân thị xã, phường có liên quan thực hiện ngày 05 tháng 6 năm 2009 và ngày 24 tháng 6 năm 2010; có Quyết định số 1094/QĐ-VHTC ngày 21 tháng 5 năm 2009 của Giám đốc Công ty cổ phần than Hà Tu-TKV phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công-Tổng dự toán Dự án đầu tư phát triển mỏ than Hà Tu; đã lập Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản; đã bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ tại Quyết định số 768/QĐ-HĐQT ngày 11 tháng 4 năm 2012. Hàng năm, Công ty ký hợp đồng với Công ty công nghiệp hóa chất mỏ Quảng Ninh để thực hiện việc nổ mìn tại mỏ (Hợp đồng số 01/2013-HĐNM ngày 28 tháng 12 năm 2012); có Quyết định số 171/QĐ-HĐTLKS/CĐ; 172/QĐ-HĐTLKS/CĐ ngày 17 tháng 10 năm 2011 của Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản về việc công nhận kết quả tổng hợp tài liệu, tính lại trữ lượng và chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên than khu mỏ Suối Lại, khu mỏ Bàng Danh thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; có Quyết định số 1064/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư phát triển mỏ Công ty cổ phần than Hà Tu-TKV; Quyết định số 1008/QĐ-BTNMT ngày 05 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Dự án cải tạo, phục hồi môi trường dự án đầu tư phát triển mỏ Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV. Công ty đã ký quỹ phục hồi môi trường với số tiền là: 80.635.253.000 đồng tại các Giấy xác nhận số 82/GXN-QBVMT ngày 10 tháng 9 năm 2012, số 130/GXN-QBVMT ngày 14 tháng 11 năm 2012 và số 27/GXN-QBVMT ngày 23 tháng 01 năm 2013 tại quỹ bảo vệ môi trường Quảng Ninh. Đã thực hiện việc quan trắc giám sát môi trường định kỳ 4 lần/năm theo nội dung Báo cáo ĐTM được phê duyệt; có sổ đăng ký chủ nguồn thải, chất thải nguy hại mã số quản lý 22.000025.T ngày 24 tháng 7 năm 2012; Công ty đã hợp đồng với doanh nghiệp có chức năng, ngành nghề kinh doanh theo quy định về việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh về kết quả thực hiện; có Hợp đồng thuê đất số 179/HĐTĐ ngày 04 tháng 12 năm 2012 ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh, diện tích thuê đất là $S = 3.277.835,5 \text{ m}^2$ để sử dụng vào mục đích khai thác than và hoàn nguyên môi trường tại phường: Hà Phong, Hà Tu, Hà Khánh, Hà Trung, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, thời hạn thuê đất đến hết năm 2014; có Giấy phép khai thác sử dụng nước mặt số 1671/GP-UBND ngày 4 tháng 6 năm 2010 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp, lượng nước khai thác, sử dụng lớn nhất $1.500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; thời hạn khai thác là 05 năm; Giấy phép khai thác nước dưới đất số 3147/GP-TNMT ngày 28 tháng 11 năm 2012 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh cấp, tổng lượng nước khai thác $450 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; thời hạn khai thác là 05 năm; Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2995/GP-UBND ngày 7 tháng 10 năm 2010 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp, lưu lượng xả thải trung bình $3.763 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, lưu lượng xả thải lớn nhất: $4.914 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; thời hạn giấy phép là 05 năm.

Về công tác thăm dò than: Ngày 03 tháng 10 năm 2008, Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 2502/QĐ-TN phê duyệt khối lượng thi công và dự toán phương án thăm dò bổ sung phần sâu khu Bắc

Bảng Danh với khối lượng toàn phương án: 24 lỗ khoan với tổng chiều sâu 12.900 m và giao Công ty cổ phần than Hà Tu là chủ dự án ký hợp đồng với Công ty Địa chất mỏ-TKV để thi công.

2. Các vi phạm, tồn tại

2.1. Chưa thông báo bằng văn bản về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý của Giám đốc điều hành mỏ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

2.2. Thiết kế mỏ đã phê duyệt có nội dung chưa phù hợp với Giấy phép khai thác khoáng sản về trữ lượng khai thác, cụ thể là: Trữ lượng than khai thác theo Giấy phép là 10.959.860 tấn, trong khi trữ lượng than huy động vào thiết kế là 11.944.203 tấn (vượt hơn 984.343 tấn).

2.3. Mức cao kết thúc khai thác tại một số vỉa than xác định trong thiết kế khai thác chưa phù hợp với Dự án đầu tư đã phê duyệt, cụ thể là mức cao kết thúc khai thác V16 theo dự án đầu tư là -180m, trong khi thiết kế mỏ là -190 m (sâu hơn 10 m); mức cao kết thúc khai thác vỉa trụ cánh Tây theo dự án đầu tư là +80m, trong khi thiết kế mỏ là +60 m (sâu hơn 20 m).

2.4. Bản đồ hiện trạng khai thác lập chưa đầy đủ nội dung theo quy định, cụ thể là: Trên bản đồ chưa thể hiện vị trí, ranh giới bãi đổ đất, đá thải.

2.5. Chưa lập bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác.

2.6. Trong năm 2011, Công ty đã tiến hành khoan thăm dò 06 lỗ khoan nâng cấp trữ lượng trong phạm vi diện tích, độ sâu được phép khai thác (độ sâu của đáy lỗ khoan thấp nhất là -172m), nhưng chưa thông báo khối lượng, thời gian thăm dò cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép trước khi thực hiện.

2.7. Chưa hoàn trả vốn của Nhà nước đã đầu tư cho công tác thăm dò than trong diện tích khu vực khai thác.

2.8. Tại khu vực thuộc cánh Tây khai trường vỉa 7, 8 đã bị chập tầng ở một số vị trí và có nguy cơ sạt lở đất đá.

II. Yêu cầu khắc phục vi phạm

1. Thông báo bằng văn bản về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý của Giám đốc điều hành mỏ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

2. Điều chỉnh mức cao kết thúc khai thác trong bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật thi công cho phù hợp với mức cao kết thúc khai thác đã xác định tại Dự án đầu tư khai thác và nộp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản.

3. Lập bản đồ hiện trạng khai thác đầy đủ nội dung theo quy định.

4. Lập bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác.

5. Hoàn trả vốn của Nhà nước đã đầu tư cho công tác thăm dò than trong diện tích khu vực khai thác.

6. Cải tạo lại tầng khai thác vỉa 7, 8 khu vực cánh Tây khai trường để hoạt động khai thác đảm bảo an toàn. Trong khi chưa cải tạo lại tầng, không được tổ chức khai thác tại khu vực này.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký Kết luận này, Công ty phải hoàn thành các nội dung công việc nêu trên và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản sẽ xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Thứ trưởng Chu Phạm Ngọc Hiền (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Linh Ngọc
- UBND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở TN & MT tỉnh Quảng Ninh;
- Thanh tra Bộ TN&MT;
- Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam;
- Công ty cổ phần than Hà Tu-Vinacomin;
- Lưu VP, KSHĐKS.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thuán

